

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Nguyễn Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2022/QĐXX-ST ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981

HKTT: Số 42 Ngõ \*\*, tổ 6 phường N, quận L, Thành phố H.

Hiện đang trú tại: Tòa S\*\*\* phòng \*\*\*\* Vinhomes O, huyện G, Thành phố H.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1978.

Trú tại: Số 42 Ngõ \*\*, tổ 6 phường N, quận L, Thành phố H.

(Chị H xin vắng mặt và anh T có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa, chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi xây dựng gia đình với anh Nguyễn Tiến T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, Thành phố H ngày 09 tháng 11 năm 2005. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Bên cạnh đó anh T thường xuyên mắng chửi vợ con, bạo lực tinh thần, đôi lúc chửi cả bố mẹ hai bên nội ngoại. Đặc biệt là anh T còn có những hành vi trộm cắp vặt đã từng bị Công an phường Ngọc Thụy gọi lên làm việc. Do sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đang mang con đi thuê nhà ở chỗ khác từ tháng 8/2019 ở cho đến nay và vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Giữa tôi với gia đình nhà anh T không có mâu thuẫn gì. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tôi xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Đức S sinh ngày 23/12/2006 và cháu Nguyễn Như Đức L sinh ngày 23/01/2013. Hiện nay cả hai con đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì từ trước đến nay anh T cũng không hề có trách nhiệm với các con. Tôi không đồng ý để T nuôi con vì từ trước đến nay các con đều ở với tôi anh T không hề có trách nhiệm gì.

Về tài sản chung: Trước đây tôi có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, Tòa án đã thụ lý giải quyết. Sau khi thụ lý giải quyết chúng tôi đã thỏa thuận được phân tài sản chung. Do vậy phần tài sản chung chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi xác định không có nợ chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến T trình bày: Tôi xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, Thành phố H ngày 09/11/2005. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc mãi đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, tôi là người luôn quan tâm đến vợ con nhưng vợ tôi không hiểu luôn cho là tôi không quan tâm. Đến năm 2019 do vợ chồng không thống nhất được quan điểm, tôi có chữ cô H và thế là cô H mang cả hai con đi chỗ khác ở và vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tôi không muốn ly hôn. Nhưng nếu cô H kiên quyết ly hôn thì tôi cũng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Như Đức S sinh ngày 23/12/2006 và cháu Nguyễn Như Đức L sinh ngày 23/01/2013. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với mẹ. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của tôi là mỗi người nuôi một cháu. Tôi xin được nuôi cháu nào cũng được. Tôi không đồng ý để cô H nuôi cả hai con. Từ trước đến nay việc chăm sóc, học hành đóng học liên quan đến hai con đều do cô H đảm nhiệm. Tôi chỉ là người đưa tiền nếu cô H cần và yêu cầu. Hiện nay tôi đang nghỉ không lương chờ hưu 05 năm nữa thì tôi mới nhận sổ lương hưu. Sở dĩ tôi phải chờ sổ hưu vì năm đóng bảo hiểm tôi đã đủ nhưng tuổi của tôi chưa đủ. Trong thời gian nghỉ chờ hưu tôi có làm thêm về môi giới bất động sản thu nhập không ổn định. Hiện nay tôi vẫn đang sống tại số 42 ngõ \*\* tổ 6 N, quận L, Thành phố H.

Về tài sản chung: Chúng tôi đã tự thỏa thuận xong về phần tài sản chung nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa:

Chị H xin vắng mặt nên không có ý kiến.

Anh T: Xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn. Nếu cô H kiên quyết ly hôn thì tôi cũng chấp thuận theo ý của cô H. Con chung xác định có 02 con chung và đề nghị được nuôi một con trên giấy tờ vì không muốn tách hai cháu ra mỗi cháu ở một nơi, con nào cũng được. Về tài sản chung đã giải quyết xong nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước khi có quyết định xét xử.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Xác định anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Đức S sinh ngày 23/12/2006 và cháu Nguyễn Như Đức L sinh ngày 23/01/2013. Đề nghị giao cả hai con cho Chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do vậy đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Về tài sản chung: Chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung do vậy đề nghị Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu xem xét giải quyết do vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:** Chị H có đơn xin ly hôn anh T gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên, anh T hiện có HKTT và chỗ ở tại phường N, quận L, Thành phố H. Chị H có đơn xin giải quyết và xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên và HĐXX xét xử vắng mặt Chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với anh Nguyễn Tiến T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, Thành phố H ngày 09/11/2005. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống cũng như tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau. Nay Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 không ai quan tâm đến ai. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của Chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**Về con chung:** Chị H và anh T xác định có cháu Nguyễn Như Đức S sinh ngày 23/12/2006 và cháu Nguyễn Như Đức L sinh ngày 23/01/2013. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với mẹ. Khi ly hôn Chị H đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh T không đồng ý để Chị H nuôi cả hai con. Anh đề nghị mỗi người nuôi một cháu. HĐXX nhận thấy: Việc giao con cho ai nuôi cũng phải đảm bảo quyền lợi của các con. Từ khi anh chị ly thân (năm 2019) đến nay, các cháu sống cùng mẹ phát triển bình thường, anh T không quan tâm chăm sóc hay

cấp dưỡng nuôi con. Hiện các cháu đang học ổn định, nguyện vọng của hai cháu đều muốn ở cùng mẹ. Do vậy thấy cần tiếp tục giao cả hai con cho Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới.

**Về tài sản chung:** Ngày 13/10/2022 Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Đến ngày 10/11/2022 Chị H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Việc rút đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của Chị H là tự nguyện không bị ai ép buộc do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

**Về án phí:** Chị H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 của điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trả lại Chị H tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 và khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

**Xử:** Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1981 được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T sinh năm 1978

**Về con chung:** Xác định Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Như Đức S sinh ngày 23/12/2006 và cháu Nguyễn Như Đức L sinh ngày 23/01/2013. Giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung đối với anh Nguyễn Tiến T cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Không ai được ngăn quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

**Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị H

**Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo giấy thu tiền tạm ứng ngày 05/10/2022 và BL số AA/2020/0065434 ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên, nay được chuyển thành án phí.

Trả lại Chị H 42.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng chị đã nộp tạm ứng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo LB số AA/2020/0065343.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt Chị H, có mặt anh T. Báo cho anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

***Nơi gửi:***

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, TP Hà Nội;
- Lưu TA

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Nga**